

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt
Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung
trong lĩnh vực quốc tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý
nhà nước của Sở Tư pháp**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 6/12/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 1078/QĐ-BTP ngày 11/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quốc tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 73/TTr-STP ngày 18/6/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quốc tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Tư pháp như sau:

1. Công bố 05 Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quốc tịch và bãi bỏ 05 Danh mục thủ tục hành chính tại mục IV phần A Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 104/QĐ-UBND ngày 20/01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Tư pháp.

(Có Phụ lục I ban hành kèm theo)

2. Phê duyệt 05 Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quốc tịch và bãi bỏ 05 quy trình tại mục IV phần A Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 309/QĐ-UBND ngày 24/02/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Tư pháp.

(Có Phụ lục II ban hành kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp; Thủ trưởng các sở, ban, ngành và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC, Tr.

CHỦ TỊCH

Hoàng Quốc Khánh

Phụ lục I
DANH MỤC

**Thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực
quốc tịch thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Tư pháp**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / / của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)

TT	Tên thủ tục hành hình	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
1	Cấp giấy xác nhận là người gốc Việt Nam	04 ngày	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; qua dịch vụ bưu chính; Dịch vụ công trực tuyến	- 100.000 đồng - Miễn phí đối với: người di cư từ Lào được phép cư trú xin xác nhận là người gốc Việt Nam theo quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; kiều bào Việt	- Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008; - Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam; - Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					Nam tại các nước láng giềng có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã.	xác nhận có quốc tịch việt nam, phí xác nhận là người gốc việt nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 264/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực ngoại giao áp dụng tại các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài; - <i>Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày</i>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<i>15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch.</i>
2	Nhập quốc tịch Việt Nam	87 ngày	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; qua dịch vụ bưu chính; Dịch vụ công trực tuyến	- 3.000.000 đồng/trường hợp - Miễn lệ phí đối với những trường hợp sau: - Người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam (phải là người được tặng thưởng Huân chương, Huy chương, danh hiệu cao quý khác của Nhà nước	- Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008; - Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam; - Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam xác nhận về công lao đặc biệt đó). - Người không quốc tịch có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của	gốc việt nam, lệ phí quốc tịch; - <i>Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch.</i>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.	
3	Trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước	64 ngày	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; qua dịch vụ bưu chính; Dịch vụ công trực tuyến	- 2.500.000 đồng/trường hợp - Miễn lệ phí đối với những trường hợp sau: - Người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam (phải là người được tặng thưởng Huân chương, Huy chương, danh hiệu cao quý khác của Nhà nước	- Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008; - Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam; - Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch việt nam, phí xác nhận là người gốc việt nam,

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam xác nhận về công lao đặc biệt đó). - Người mất quốc tịch có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của Ủy	lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.	
4	Thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước	57 ngày	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp trực tiếp; qua dịch vụ bưu chính; Dịch vụ công trực tuyến	2.500.000 đồng/trường hợp	- Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008; - Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam; - Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						gốc việt nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch.
5	Cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước	- 15 ngày làm việc đối với trường hợp có giấy tờ chứng minh	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp tại Trung tâm phục vụ hành	Nộp trực tiếp; qua dịch vụ bưu chính; Dịch vụ công trực tuyến	-100.000 đồng; - Miễn phí đối với người di cư từ Lào được phép cư	- Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008; - Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quốc

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		quốc tịch Việt Nam. - 42 ngày làm việc đối với trường hợp không có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam.	chính công tỉnh		trú xin xác nhận có Quốc tịch Việt Nam theo quy định của điều ước Quốc tế mà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam là thành viên; kiều bào Việt Nam tại các nước láng giềng có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam; có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của UBND cấp xã.	tịch Việt Nam; - Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch việt nam, phí xác nhận là người gốc việt nam, lệ phí quốc tịch; - <i>Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP</i> ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						<i>Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch.</i>

Phụ lục II

**Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung
trong lĩnh vực quốc tịch thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Tư pháp**
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / / của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)

1. Cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam

Thời gian quy định: 04 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện (Ngày)
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ yêu cầu của công dân	0,5
B2	Phòng chuyên môn xử lý hồ sơ	Trưởng phòng chuyên môn	Ý kiến phân công nhiệm vụ	0,5
		Chuyên viên phòng chuyên môn	Xây dựng dự thảo	1,5
		Lãnh đạo phòng chuyên môn	Hồ sơ và dự thảo	0,5
B3	Lãnh đạo Sở Tư pháp xem xét và ký duyệt Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam	Lãnh đạo Sở Tư pháp	Ký duyệt	0,5
B4	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Kết quả giải quyết	0,5

		của Sở Tư pháp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh		
Tổng thời gian thực hiện				04 ngày

2. Nhập quốc tịch Việt Nam

Thời gian quy định: 87 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện (Ngày)
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp ở Trung tâm phục vụ hành chính công	Hồ sơ yêu cầu của công dân	0,5
B2	Phòng chuyên môn xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng chuyên môn thuộc Sở Tư pháp	Ý kiến phân công nhiệm vụ	0,5
		Chuyên viên phòng chuyên môn thuộc Sở Tư pháp	Xây dựng văn bản	01
		Lãnh đạo phòng chuyên môn thuộc Sở Tư pháp	Ý kiến thẩm định	01

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện (Ngày)
B3	Phê duyệt gửi xác minh	Lãnh đạo Sở Tư pháp	Ý kiến phê duyệt	01
B4	Liên thông Công an tỉnh (Xác minh hồ sơ)			23
B5	Phòng chuyên môn	Lãnh phòng chuyên môn thuộc Sở Tư pháp	Ý kiến phân công nhiệm vụ	0,5
		Chuyên viên phòng chuyên môn thuộc Sở Tư pháp	Dự thảo Văn bản đầu ra	03
		Lãnh đạo phòng chuyên môn thuộc Sở Tư pháp	Ý kiến thẩm định	0,5
B6	Phê duyệt gửi UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở Tư pháp	Ý kiến phê duyệt	01
B7	Chuyển Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của của Sở Tư pháp ở Trung tâm phục vụ hành chính công	Phòng chuyên môn thuộc Sở Tư pháp	Kèm hồ sơ	0,5
B8	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ liên thông UBND tỉnh tại Trung tâm phục vụ hành	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp ở Trung	Kèm hồ sơ	0,5

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện (Ngày)
	chính công	tâm phục vụ hành chính công		
B9	Hồ sơ liên thông UBND tỉnh xử lý			07
B10	Hồ sơ liên thông Bộ Tư pháp xử lý			16
B11	Xem xét, phê duyệt và quyết định	Chủ tịch nước	Quyết định nhập quốc tịch Việt Nam	24
B12	Nhận kết quả, Bộ Tư pháp đăng lên Cổng thông tin điện tử và Thông báo cho Sở Tư pháp	Bộ Tư pháp	Quyết định nhập quốc tịch Việt Nam	07
Tổng thời gian thực hiện				87 ngày

3. Trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước

Thời gian quy định: 64 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện (Ngày)
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả	Hồ sơ yêu cầu của công	0,5

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện (Ngày)
		kết quả của Sở Tư pháp tại Trung tâm phục vụ hành chính công	dân	
B2	Phòng chuyên môn xử lý hồ sơ	Trưởng phòng chuyên môn thuộc Sở Tư pháp	Ý kiến phân công nhiệm vụ	0,5
		Chuyên viên phòng chuyên môn thuộc Sở Tư pháp	Lập công văn yêu cầu xác minh	01
		Lãnh đạo phòng chuyên môn thuộc Sở Tư pháp	Xem xét, thẩm định	01
B3	Lãnh đạo Sở xem xét, phê duyệt	Lãnh đạo Sở Tư pháp	Phê duyệt	01
B4	Liên thông Công an tỉnh			14
B5	Phòng chuyên môn tiếp nhận, xử lý kết quả liên thông	Trưởng phòng chuyên môn thuộc Sở Tư pháp	Ý kiến phân công nhiệm vụ	0,5
		Chuyên viên phòng chuyên môn thuộc Sở Tư pháp	Văn bản đầu ra	01
		Lãnh đạo phòng chuyên môn thuộc Sở Tư pháp	Xem xét, thẩm định	01

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện (Ngày)
B6	Lãnh đạo Sở phê duyệt	Lãnh đạo Sở Tư pháp	Phê duyệt	0,5
B7	Bộ phận một cửa tiếp nhận chuyển liên thông	Chuyên viên phòng chuyên môn thuộc Sở Tư pháp	Kèm hồ sơ	0,5
B8	Hồ sơ liên thông UBND tỉnh xử lý			04
B7	Hồ sơ liên thông Bộ Tư pháp xử lý			11
B8	Hồ sơ liên thông Chủ tịch nước xử lý			15
B9	Hồ sơ liên thông Bộ Tư pháp xử lý			07
B10	Trả kết quả và Lưu hồ sơ	Văn thư; phòng chuyên môn; Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Quyết định nhập quốc tịch Việt Nam	0,5
Tổng thời gian thực hiện				64 ngày

4. Thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước

Thời gian quy định: 57 ngày

TT	Trình Tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện (Ngày)
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Hồ sơ yêu cầu của công dân	0,5
B2	Phân công thụ lý	Trưởng phòng chuyên môn	Ý kiến phân công nhiệm vụ	0,5
		Chuyên viên phòng chuyên môn	Xây dựng công văn yêu cầu xác minh	01
		Lãnh đạo phòng chuyên môn thuộc Sở Tư pháp	Xem xét, thẩm định	01
B3	Xem xét và phê duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở Tư pháp	Phê duyệt	01
B3	Hồ sơ liên thông Công an tỉnh			14
B4	Phòng chuyên môn: ghi tên phòng tiếp nhận và xử lý tài liệu liên thông	Trưởng phòng chuyên môn thuộc Sở Tư pháp	Ý kiến phân công nhiệm vụ	0,5
		Chuyên viên phòng chuyên môn thuộc Sở Tư pháp	Dự thảo Văn bản đầu ra	0,5

TT	Trình Tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện (Ngày)
		Lãnh đạo phòng chuyên môn thuộc Sở Tư pháp	Ý kiến thẩm định	0,5
B5	Lãnh đạo Sở phê duyệt	Lãnh đạo Sở Tư pháp	Phê duyệt	0,5
B6	Hồ sơ liên thông UBND tỉnh xử lý UBND tỉnh xử lý			03
B7	Hồ sơ liên thông Bộ Tư pháp			11
B8	Hồ sơ liên thông Chủ tịch nước			16
B11	Trả kết quả và Lưu hồ sơ	Văn thư; phòng chuyên môn; Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp tại Trung tâm phục vụ hành chính công		01 ngày
	Tổng thời gian thực hiện			57 ngày

5. Cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước

Thời gian quy định: 15 ngày làm việc đối với trường hợp có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam; 42 ngày làm việc đối với trường hợp không có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày)	
				Trường hợp có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam	Trường hợp không có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp ở Trung tâm phục vụ hành chính công	Hồ sơ yêu cầu của công dân	0,5	0,5
B2	Phân công thực hiện	Trưởng phòng chuyên môn	Ý kiến phân công nhiệm vụ	0,5	0,5
		Chuyên viên phòng chuyên môn	Dự thảo văn bản	01	01
		Lãnh đạo phòng chuyên môn thuộc Sở Tư pháp	Xem xét, thẩm định	01	01
B3	Lãnh đạo Sở xem xét, phê duyệt	Lãnh đạo Sở Tư pháp	Phê duyệt	01	01
B4	Đối chiếu danh sách, hoặc gửi văn bản đề nghị Bộ Tư pháp, Công an tỉnh xác	Các cơ quan liên quan	Kết quả đối chiếu, xác	08	35

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày)	
				Trường hợp có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam	Trường hợp không có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam
	minh.		minh		
B5	Xem xét, thẩm định và ký nháy Giấy xác nhận	Lãnh đạo phòng chuyên môn	Giấy xác nhận	1,5	1,5
B6	Xem xét, ký Giấy xác nhận	Lãnh đạo Sở Tư pháp	Ký duyệt	01	01
B7	Lưu hồ sơ và trả kết quả	Phòng chuyên môn; Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tư pháp ở Trung tâm phục vụ hành chính công	Giấy xác nhận	0,5	0,5
	Tổng thời gian thực hiện			15 ngày	42 ngày